

CÔNG TY TNHH NGUYỄN THANH TRIỀU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NGUYỄN THANH TRIỀU
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGUYEN THANH TRIEU COMPANY LIMITED
Tên công ty viết tắt: CTY TNHH NGUYỄN THANH TRIỀU

2. Mã số doanh nghiệp: 1301133196

3. Ngày thành lập: 30/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10F3 Nguyễn Thị Định, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0916 443 171

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
3.	Bán buôn thực phẩm (trừ bán buôn động vật hoang dã pháp luật cấm kinh doanh)	4632
4.	Bán buôn đồ uống	4633
5.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
10.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
11.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
12.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
13.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
14.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
15.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
16.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bến bãi đỗ xe, trừ kinh doanh bất động sản)	5210

18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510(Chính)
19.	Cơ sở lưu trú khác	5590
20.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ hoạt động quán bar)	5610
21.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
22.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
23.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar)	5630
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá bất động sản, trừ đấu giá quyền sử dụng đất, trừ hoạt động đấu giá)	6820
26.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán pháp luật, trừ hoạt động vận động hành lang)	7020
27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
28.	Cho thuê xe có động cơ	7710
29.	Đại lý du lịch	7911
30.	Điều hành tua du lịch	7912
31.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
32.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
33.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
34.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
35.	Hoạt động thể thao khác	9319
36.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ kinh doanh dịch vụ tổ chức đánh bạc, gá bạc trái phép dưới mọi hình thức và kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội)	9329
37.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (trừ hoạt động thể thao)	9610
38.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
39.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
40.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
41.	Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

